

...
...
...

IRGEND- (- nào đó)

Irgend- lãnh trọng trách nhấn mạnh sự bất định, không quan tâm, không nhớ rõ một hành động, một tình huống đã xảy ra. Người tường thuật chỉ còn nhớ lơ mơ về những nhân vật hay thời gian hay nơi chốn của sự cố đó.

Tùy theo chức năng của „từ“ sử dụng trong câu, chúng ta có thể ghép thêm „irgend-“ để phát biểu sự bất định đó.

MẠO TỪ BẤT ĐỊNH

- Irgendein Professor hat über das Thema ‚Umwelt‘ referiert. (một ông giáo sư nào đó đã thuyết trình về đề tài môi trường)

- Hast du irgendein Restaurant in der Nähe gefunden? (bạn có thấy tiệm ăn nào đó gần đây không?)

ĐẠI TỪ BẤT ĐỊNH

- Chủ từ: Irgendwer hat mein Fahrrad gestohlen (người nào đó đã đánh cắp xe đạp của tôi)

- Chủ từ: Irgendwas hat den Hund geweckt. (cái gì đó đã đánh thức con chó)

- Chủ từ: Irgendjemand/Irgendeiner hat die Wand beschmiert. (thằng nào đó đã bôi đầy tường)

- Tân ngữ: Hast du irgendwen/irgendjemand getroffen? (bạn có gặp được ai đó không)

- Tân ngữ: Wartest du auf irgendetwas? (mày đang chờ cái gì đó à?)

TRẠNG NGỮ - ANGABEN (Te-Ka-Mo-Lo)

- Temporal/thời gian: Irgendwann merkst du, dass du einsam bist. (lúc nào đó mày sẽ thấy là mình bị cô độc)

- Temporal: Ich habe irgendwann kein Lust mehr. (lúc nào đó tôi không còn hứng thú nữa)

- Modal/thể cách: Ich fühle mich irgendwie benachteiligt. (tôi có cảm giác đã bị thiệt thòi thế nào ấy)

- Lokal/nơi chốn: Ich habe irgendwo einen schönen Wagen gesehen. (tôi thấy đâu đó một chiếc xe đẹp)